

Bản án số: 148/2026/DS-PT

Ngày: 26 - 02 - 2026

V/v tranh chấp đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh.

Các Thẩm phán: Bà Tiêu Hồng Phụng;

Ông Nguyễn A Đam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thuỷ Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 716/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2025/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Phan Thị Bích L, sinh năm: 1974 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096174009751; cấp ngày: 10/08/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Số F, hẻm F, đường L, Khóm C, Phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau).

2. Bà Phan Thị Bích N, sinh năm: 1970.

Căn cước công dân số: 096170008688; cấp ngày: 11/05/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Số F, hẻm F, đường L, Khóm C, Phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà N: Bà Trương Thị H, sinh năm 1974 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096174011201; cấp ngày: 20/08/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Khóm C, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 17/3/2025)

- *Bị đơn:* Bà Phan Bé B, sinh năm 1968.

Căn cước công dân số: 096168007247; cấp ngày: 02/07/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Nhà không số, ấp E, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là khóm I, phường T, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà B: Bà Huỳnh Như Ý, sinh năm 1989 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096189005146; cấp ngày: 11/08/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Nhà không số, ấp E, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (Nay là khóm I, phường T, tỉnh Cà Mau) (Theo văn bản uỷ quyền ngày 08/10/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Như Ý, sinh năm 1989.

Cư trú tại: Nhà không số, ấp E, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là khóm I, phường T, tỉnh Cà Mau).

2. Bà Huỳnh Thúy Á, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp H, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là khóm C, phường A, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Bé B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Vào ngày 16/10/2024, bà Phan Thị Bích L, bà Phan Thị Bích N có nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị M phần đất diện tích 417m², chiều ngang 6m chiều dài 70m, trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 117m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại ấp E, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nay là khóm I, phường T, tỉnh Cà Mau với giá chuyển nhượng là 350.000.000 đồng, hai bên đã giao đủ tiền và bàn giao đất trên thực địa. Sau khi nhận chuyển nhượng bà L, bà N đã tiến hành đo đạc, cắm ranh và được các hộ giáp ranh phần đất gồm hộ bà Phan Bé B và hộ Hồ Thị K chứng kiến, ký tên xác nhận giáp ranh, do đó bà L, bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào

ngày 18/11/2024. Trên phần đất của nguyên đơn chiều dài cách nhau từ 15m - 20m thì nguyên đơn đều cắm một trụ đá làm ranh. Tuy nhiên cuối năm 2024 nguyên đơn phát hiện 02 trụ đá phía sau hậu đất giáp ranh với bà Phan Bé B bị mất, nên có yêu cầu bà B xác định ranh để cắm lại thì bà B cho rằng đất của nguyên đơn chỉ tới trụ đá hiện tại, phần phía sau hậu đất theo đo đạc thực tế có chiều ngang 06m, chiều dài 16,46m là của bà B, nên hai bên đã xảy ra tranh chấp. Hiện trạng phần đất thực địa hiện là đất trống, không có công trình, kiến trúc trên đất.

Nay bà N và bà L yêu cầu bà Phan Bé B trả lại cho bà L và bà N phần đất đã lấn chiếm phía sau hậu đất của bà, theo đo đạc thực tế có diện tích là 98,6m², có chiều ngang 06m, chiều dài 16,46m, thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại ấp E, xã T, Tp C, tỉnh Cà Mau, nay là Khóm I, phường T, tỉnh Cà Mau nêu trên.

Tại bản tự khai và trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Phần đất của bà Phan Bé B đang canh tác, quản lý có nguồn gốc như sau, vào ngày 25 tháng 02 năm 1996 âm lịch thân tộc bên chồng bà B có lập biên bản họp thân tộc về việc cho đất ông Huỳnh Hoàng H1, là chồng bà Phan Bé B, về việc bà Thái Thị B1 thống nhất chia đất thổ cư cho cháu Huỳnh Hoàng H1 ngang 05m, dài hết hậu và cộng thêm 09 tầm thổ mộ, tứ cận như sau: Cạnh tay trái giáp đất bà L, cạnh tay phải không rõ giáp đất ai, sau hậu giáp với phần đất vuông, cháu Huỳnh Hoàng H1 được canh tác chứ không được bán cho ai. Từ khi ông H1 được bà Thái Thị B1 cho đất đến nay, phần đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Thái Thị B1 và chồng là Huỳnh Kim Q đều đã chết và không có con chung. Ông Huỳnh Hoàng H1, bà Phan Bé B có 03 con chung Huỳnh Hoàng T1, đã chết 22 năm không có vợ con, Huỳnh Thúy Á và Huỳnh Như Ý.

Đối với phần đất của bà N và bà L có nguồn gốc như sau: Trước năm 2003, bà Thái Thị B1 có bán cho bà Hồng N1 Diễm phần đất thổ cư còn lại có diện tích 366,9m², lúc bán thì đo độ dài từ mé sông Á, xã T đến hai cây trụ đá phía sau hậu mà bà Hồng N1 Diễm cắm thống nhất giữa các bên. Đến năm 2018, bà Hồng Ngọc D bán phần đất này cho vợ chồng ông Huỳnh Quốc T2 và bà Hồ Thị T3, sau đó vợ chồng ông T2, bà T3 đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng mới và được cấp lên với diện tích 418,1m², tăng 51,2m² so với diện tích chuyển nhượng từ bà D. Trong diện tích cấp mới 418,1m² có phần đất thổ mộ mà bà B1 cho cháu Huỳnh Hoàng H1 từ 1996. Sau khi vợ chồng ông T2 được cấp giấy mới diện tích 418,1m², cũng trong năm 2018 vợ chồng ông T2 tiếp tục chuyển nhượng phần đất này cho ông Phan Văn D1, ông Phan Văn D1 lại chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị M và bà M chuyển nhượng lại cho bà N và bà L.

Nay, bà B1 không đồng ý trả phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế có diện tích là 98,6m², có chiều ngang 06m, chiều dài 16,46m, thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại ấp E, xã T, Tp C, tỉnh Cà Mau, nay là khóm I, phường T, tỉnh Cà Mau vì phần đất này đã được bà Thái Thị B1 cho chồng bà B1 là Huỳnh Hoàng H1 từ 1996 và sử dụng ổn định đến nay, không có sang bán hay thay đổi hiện trạng.

Tại bản tự khai và trình bày của chị Huỳnh Thúy Á trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Bà là con ruột của ông Huỳnh Hoàng H2 và bà Phan Bé B. Bà thống nhất với ý kiến của bà Huỳnh Như Ý, không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2025/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, đã quyết định (tóm tắt):

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bích N và bà Phan Thị Bích L.

Buộc bà Phan Bé B trả cho bà Phan Thị Bích N và bà Phan Thị Bích L phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 98,6m² tọa lạc tại ấp E, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nay là khóm I, phường T, tỉnh Cà Mau có vị trí tại thửa số 2 Bản vẽ đo hiện trạng ngày 25/6/2025 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc tỉnh C, có tứ cận như sau: Theo bản đồ chỉnh lý năm 2007 ...

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 25/6/2025 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc tỉnh C).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 21 tháng 10 năm 2025 bà Phan Bé B là bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Huỳnh Như Ý là đại diện theo ủy quyền của bà Phan Bé B giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Phan Thị Bích L trình bày: Khi tôi nhận chuyển nhượng QSDĐ thì bà Bé B có ký giáp ranh, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Trương Thị H trình bày: yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác định lại số của thửa đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Phan Bé B là bị đơn nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm

quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Bà Huỳnh Thúy Á là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phan Bé B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Phần đất của bà Phan Thị Bích L1, bà Phan Thị Bích N được cấp diện tích 417m², đất tọa lạc tại ấp E, xã T, thành phố C có nguồn gốc như sau:

Trước năm 2003 bà Thái Thị B1 (là Bác hai của ông Huỳnh Hoàng H1 - chồng bà Phan Bé B) có chuyển nhượng cho bà Hồng N1 Diện 366,9 m² (có giấy chứng nhận QSDĐ).

Năm 2018 bà Hồng Ngọc D chuyển nhượng cho ông Huỳnh Quốc T2 và bà Hồ Thị T3. Khi làm thủ tục chuyển nhượng, Cơ quan chức năng cùng các bên có tiến hành đo đạc lại đất thực tế để cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông T2, bà T3. Theo Tờ trình số 777/TTr-CN.VPĐKĐĐ ngày 12/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C về việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thì diện tích thay đổi tăng, từ 366,9m², (300m² đất ở, 66,9m² đất lập vườn), thuộc thửa 031, tờ số 07, (theo Bản đồ năm 1998 là thửa số 07 tờ số 31, do in giấy chứng nhận ghi sai), sau khi xác minh đo đạc thực tế có các hộ kế cận chứng kiến là hộ Hồ Thị K và ông Huỳnh Hoàng H1 (chồng bà Phan Bé B) và xác định lại ranh với diện tích là 418,10m² (Đất ở: 300,0m²; Đất trồng cây lâu năm: 118,1m²), thửa đất số 32, tờ số 17, lệch lớn hơn so với giấy chứng nhận là 51,2m² loại đất CLN, do trước đây khi cấp giấy chứng nhận đo đạc không chính xác (bút lục 48). Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất có ông Huỳnh Hoàng H1 là chồng bà Phan Bé B ký (bút lục 37).

Cùng năm 2018 ông Huỳnh Quốc T2 và bà Hồ Thị T3 chuyển nhượng cho ông Phan Văn D1, ông D1 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ với diện tích là 418,10m².

Năm 2024 ông Phan Văn D1 chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị M, bà M được cấp giấy CN QSDĐ với diện tích là 418,10m².

Cùng năm 2024 bà Huỳnh Thị M chuyển nhượng cho bà Phan Thị Bích L1, bà Phan Thị Bích N, thì khi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C đo đạc lại diện tích thực tế lại thay đổi, cụ thể tại biên bản đo đạc hiện trạng thửa đất, thể hiện, nay đo đạc thực tế được sự chứng kiến của chủ sử dụng đất và các hộ giáp ranh có liên quan có chữ ký xác nhận ranh của Hồ Thị K, Phan Bé B, xác định ranh đất mới diện tích thực tế là 417m (300,0m² đất ở và 117,0m² đất CLN), kích thước các cạnh của thửa đất không sai lệch so với giấy chứng nhận. Diện tích và kích thước lộ nhựa bị sai lệch là do trước đây khi cấp giấy chứng nhận không đo đạc thực tế, ranh giới thửa đất ổn định từ khi được cấp giấy chứng nhận cho đến nay. Theo giấy chứng nhận phân đất ONT có kích thước ngang 6m, dài 50,20m, nay đo đạc thực tế thì phần đất ONT có kích thước ngang 6,00m, dài 50,35m. Lý do kích thước cạnh dài phần đất ONT bị sai lệch là do trước đây khi cấp giấy chứng nhận

không đo đạc thực tế và phân diện tích đất ONT hiện nay không thay đổi so với giấy chứng nhận (bút lục 107). Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất có bà Phan Bé B ký (bút lục 108).

[3.2] Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy: Qua các lần đo đạc diện tích đất của bà L1, bà N có thay đổi diện tích tăng giảm, sự thay đổi do sai lệch trong quá trình đo đạc cấp giấy chứng nhận QSDĐ qua nhiều thời kỳ, ranh giới thửa đất ổn định từ khi được cấp giấy chứng nhận và các lần đo đạc có ông Huỳnh Hoàng H1 (chồng bà B), bà Phan Thị B2 ký giáp ranh và tại các biên bản mô tả ranh giới, mốc giới cũng thể hiện cạnh ngang là 6m, cạnh dài 70m = 420m², các trụ đá thể hiện tại các điểm mốc M1, M2, M3, M4. Hiện nay bà N và bà L1 quản lý phần đất từ khi nhận chuyển nhượng đến nay trên đất vẫn còn các trụ đá cắm ranh từ thời bà D nhận chuyển nhượng từ bà Thái Thị B1, diện tích theo giấy chứng nhận QSDĐ bà L1, bà N được cấp là 417m². Qua xem xét thẩm định đo đạc thực tế thể hiện tại bản vẽ hiện trạng ngày 25/6/2025, tổng diện tích đất ở thửa 1 là 320,2m², thửa 2 là 98,6m² = 418,8m² là phù hợp với diện tích thể hiện trong giấy chứng nhận QSDĐ bà N và bà L1 được cấp.

Việc bị đơn là bà Phan Thị B2 cho rằng thửa số thửa 2 là 98,6m² là diện tích đất nằm trong phân diện tích đất thổ mộ của gia đình bà B2 là không hợp lý, trong khi bị đơn là bà Phan Thị B2 chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Từ những chứng cứ nêu trên, cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại phần đất diện tích 98,6m² là đúng.

[4] Tại giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho bà N và bà L1 thể hiện thửa số 32, diện tích 417m² nhưng tại bản vẽ hiện trạng thể hiện phần đất có 2 thửa là 32 và 47, diện tích 418,8m². Tuy số thửa và diện tích thực tế khác nhau, có sự chênh lệch (thực tế rộng hơn 1,8m² nhưng đối chiếu theo hồ sơ địa chính thì diện tích đất thực tế theo đúng mốc giới và chỉ giới giao đất, do đó Hội đồng xét xử xác định theo diện tích thực tế phần đất của bà N và bà L1 là 418,8m².

Vì vậy, việc tạm ngừng phiên tòa để xác định số thửa là không cần thiết.

[5] Từ những căn cứ và phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Bé B giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Bé B phải nộp 300.000 đồng.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Bé B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2025/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bích N và bà Phan Thị Bích L.

Buộc bà Phan Bé B trả cho bà Phan Thị Bích N và bà Phan Thị Bích L phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 98,6m² tọa lạc tại ấp E, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nay là khóm I, phường T, tỉnh Cà Mau có vị trí tại thửa số 2 Bản vẽ đo hiện trạng ngày 25/6/2025 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc tỉnh C, có tứ cận như sau: Theo bản đồ chính lý năm 2007, thì:

+ Phía Đông giáp với phần đất bà Phan Bé B, cạnh dài 16,46m, có mốc từ M3 đến M4.

+ Phía Tây giáp với phần đất bà Hồ Thị K, cạnh dài 16,46m, có mốc từ M5 đến M6.

+ Phía Nam giáp với phần đất bà Phan Bé B, cạnh dài 06m, có mốc từ M4 đến M5.

+ Phía Bắc giáp với phần đất bà Phan Thị Bích N và Phan Thị Bích L, cạnh dài 06m, có mốc từ M3 đến M6.

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng ngày 25/6/2025 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc tỉnh C).

2. Chi phí tố tụng.

Bà Phan Bé B có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phan Thị Bích N và bà Phan Thị Bích L tiền chi phí xem xét, đo đạc, thẩm định tại chỗ và tiền thẩm định giá tổng cộng là 12.923.000 đồng.

3. Án phí dân sự.

- Án phí sơ thẩm:

Bà Phan Bé B phải nộp án 300.000 đồng (chưa nộp).

Bà N và bà L không phải nộp, được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010425 ngày 05/3/2025 tại chi cục thi hành án dân sự, nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Cà Mau.

- Án phí phúc thẩm: Bà Phan Bé B phải nộp 300.000 đồng. Ngày 22/10/2025 bà B đã dự nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0002930 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tiêu Hồng Phụng

Nguyễn A Đam

Đỗ Cao Khánh

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Đỗ Cao Khánh